HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GD&ĐT
HUYỆN KIM THÀNH

BẢNG ĐIỂM THI CHUYÊN NGÀNH

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Vị trí ĐKDT	Ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
1	A000001	Nguyễn Thị Ngọc ánh	Nữ	09/09/1994	Hải Dương	GV Mầm non		Trường Mầm non Đồng Cẩm	94.50		94.50
2	A000002	Hồ Thị Diên	Nữ	16/02/1998	Hải Dương	GV Mầm non		Trường Mầm non Bình Dân	92.50		92.50
3	A000003	Phạm Thị Bích Đào	Nữ	14/08/1996	Hải Phòng	GV Mầm non		Trường Mầm non Bình Dân	100.00		100.00
4	A000004	Bùi Thị Hà	Nữ	15/06/1993	Hải Dương	GV Mầm non		Trường Mầm non Cổ Dũng	100.00		100.00
5	A000005	Văn Thị Hiền	Nữ	14/04/1996	Hải Dương	GV Mầm non		Trường Mầm non Cổ Dũng	77.50		77.50
6	A000006	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	03/10/1997	Hải Dương	GV Mầm non		Trường Mầm non Thượng Vũ	92.50		92.50
7	A000007	Vừ Thị Say	Nữ	11/12/1996	Hải Dương	GV Mầm non	B	Trường Mầm non Kim Tân	96.50	5.0	101.50
8	B010008	Vũ Thị Chuyên	Nữ	26/03/1988	Hải Dương	GV Văn hóa		Trường Tiểu học Kim Đính	76.00		76.00
9	B010009	Hoàng Thị Hương	Nữ	09/06/1994	Hải Phòng	GV Văn hóa		Trường Tiểu học Kim Tân	68.00		68.00
10	B010010	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	01/07/1990	Hải Dương	GV Văn hóa		Trường Tiểu học Lai Vu	64.00		64.00
11	B010011	Nguyễn Thị Phương	Nữ	12/02/1995	Hải Dương	GV Văn hóa		Trường Tiểu học Đồng Cẩm	X		0.00
12	B010012	Nguyễn Thu Thủy	Nữ	01/11/1997	Hải Dương	GV Văn hóa		Trường Tiểu học Kim Liên	75.50		75.50
13	B010013	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	14/08/1986	Hải Phòng	GV Văn hóa	A	Trường Tiểu học Kim Liên	78.00	7.5	85.50
14	B010014	Nguyễn Cẩm Tú	Nữ	02/09/1989	Hải Dương	GV Văn hóa		Trường Tiểu học Phú Thái	83.50		83.50
15	B060015	Nguyễn Trung Kiên	Nam	12/06/1978	Hải Dương	GV GDTC		Trường Tiểu học Phú Thái	90.00		90.00
16	B080016	Trịnh Ngọc Anh	Nữ	07/11/1998	Hải Dương	GV Tiếng Anh		Trường Tiểu học Ngũ Phúc	83.80		83.80
17	B080017	Phạm Thị Bưởi	Nữ	17/01/1978	Hải Dương	GV Tiếng Anh		Trường Tiểu học Tuấn Việt	91.30		91.30

Ngày 21 tháng 10 năm 2021
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG

Phạm Việt Tuấn

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GD&ĐT
HUYỆN KIM THÀNH

BẢNG ĐIỂM THI CHUYÊN NGÀNH

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Vị trí ĐKDT	Ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
18	B080018	Nguyễn Thị Chinh	Nữ	30/09/1977	Hải Phòng	GV Tiếng Anh	B	Trường Tiểu học Đại Đức	92.80	5.0	97.80
19	B080019	Lê Văn Đắc	Nam	14/04/1973	Hải Dương	GV Tiếng Anh		Trường Tiểu học Thượng Vũ	83.80		83.80
20	B080020	Đồng Thị Minh Huế	Nữ	09/07/1983	Hải Dương	GV Tiếng Anh		Trường Tiểu học Kim Tân	87.30		87.30
21	B080021	Nguyễn Thị Hương	Nữ	20/11/1972	Hải Dương	GV Tiếng Anh	A	Trường Tiểu học Phú Thái	87.00	7.5	94.50
22	B080022	Lương Thị Lan	Nữ	22/04/1974	Hải Dương	GV Tiếng Anh		Trường Tiểu học Liên Hòa	84.80		84.80
23	B080023	Đồng Thị Lan	Nữ	17/07/1972	Hải Dương	GV Tiếng Anh		Trường Tiểu học Tam Kỳ	90.00		90.00
24	B080024	Nguyễn Thị Nga	Nữ	20/07/1995	Hải Dương	GV Tiếng Anh		Trường Tiểu học Kim Tân	94.30		94.30
25	B080025	Nguyễn Thụy Song Ngân	Nữ	21/07/1993	Hải Dương	GV Tiếng Anh		Trường Tiểu học Phú Thái	74.80		74.80
26	B080026	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	12/05/1990	Hải Dương	GV Tiếng Anh		Trường Tiểu học Đồng Cẩm	87.80		87.80
27	B080027	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	02/10/1978	Hải Dương	GV Tiếng Anh		Trường Tiểu học Phúc Thành	82.50		82.50
28	B080028	Ngô Thị Thảo	Nữ	12/01/1992	Hải Dương	GV Tiếng Anh		Trường Tiểu học Bình Dân	86.30		86.30
29	B080029	Lê Thị Thủy	Nữ	14/10/1985	Hải Dương	GV Tiếng Anh		Trường Tiểu học Kim Liên	88.30		88.30
30	B100030	Nguyễn Đình Thể	Nam	10/11/1984	Hải Dương	GV Tin học		Trường Tiểu học Bình Dân	72.50		72.50
31	B220031	Phạm Thị Nga	Nữ	26/12/1981	Hải Dương	NV Kế toán		Trường Tiểu học Cộng Hòa	40.50		40.50
32	B220032	Trịnh Thị Phượng	Nữ	26/09/1991	Hải Dương	NV Kế toán		Trường Tiểu học Đại Đức	66.75		66.75
33	B220033	Lê Xuân Tùng	Nam	20/11/1997	Hải Dương	NV Kế toán		Trường Tiểu học Cộng Hòa	83.00		83.00
34	C030034	Nguyễn Thị Dung	Nữ	18/08/1987	Hải Dương	GV Âm nhạc		Trường THCS Ngũ Phúc	71.50		71.50

Ngày 24 tháng 10 năm 2021
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG

Phạm Viết Tuấn

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GD&ĐT
HUYỆN KIM THÀNH

BẢNG ĐIỂM THI CHUYÊN NGÀNH

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Vị trí ĐKDT	Ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
35	C050035	Phạm Thị Nga	Nữ	23/12/1994	Hải Dương	GV Mỹ thuật		Trường THCS Kim Tân	88.80		88.80
36	C090036	Đoàn Thị Hiên	Nữ	21/09/1979	Hải Dương	GV Tiếng Anh	A	Trường THCS Kim Xuyên	85.00	7.5	92.50
37	C090037	Đồng Thị Mai Hương	Nữ	08/07/1998	Hải Dương	GV Tiếng Anh		Trường THCS Kim Tân	82.50		82.50
38	C110038	Bùi Thế Hường	Nam	04/05/1984	Hải Dương	GV Tin học		Trường THCS Cộng Hòa	75.50		75.50
39	C120039	Đồng Thị Hà	Nữ	22/11/1984	Quảng Ninh	GV Ngữ văn		Trường THCS Ngũ Phúc	75.00		75.00
40	C120040	Nguyễn Thị Hiên	Nữ	05/09/1996	Hải Dương	GV Ngữ văn		Trường THCS Đồng Cẩm	69.50		69.50
41	C120041	Lương Thị ơn	Nữ	10/10/1991	Hải Dương	GV Ngữ văn	B	Trường THCS Ngũ Phúc	57.50	5.0	62.50
42	C120042	Mai Thị Phương	Nữ	06/08/1990	Hải Dương	GV Ngữ văn		Trường THCS Lai Vu	X		0.00
43	C130043	Bùi Thị Quỳnh Anh	Nữ	30/04/1992	Hải Dương	GV Lịch sử		Trường THCS Cổ Dũng	87.50		87.50
44	C130044	Hà Thị Mùa	Nữ	20/03/1990	Hải Dương	GV Lịch sử		Trường THCS Kim Xuyên	83.80		83.80
45	C140045	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	25/09/1989	Hải Dương	GV Địa lý		Trường THCS Lai Vu	72.50		72.50
46	C140046	Nguyễn Thị Hương	Nữ	20/10/1997	Hải Dương	GV Địa lý		Trường THCS Liên Hòa	78.30		78.30
47	C150047	Lê Quang Bách	Nam	19/09/1992	Hải Dương	GV Toán		Trường THCS Thượng Vũ	X		0.00
48	C150048	Bùi Thị Bích	Nữ	01/05/1994	Hải Dương	GV Toán		Trường THCS Phú Thái	87.00		87.00
49	C150049	Hoàng Thị Phương Dung	Nữ	28/09/1988	Thái Bình	GV Toán		Trường THCS Phú Thái	85.00		85.00
50	C150050	Vương Hải Linh	Nữ	19/02/1998	Bắc Ninh	GV Toán		Trường THCS Thượng Vũ	53.50		53.50
51	C150051	Nguyễn Thị Nghĩa	Nữ	30/01/1990	Hải Dương	GV Toán		Trường THCS Kim Xuyên	74.50		74.50

Ngày 04 tháng 10 năm 2021
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG

Phạm Việt Tuấn

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GD&ĐT
HUYỆN KIM THÀNH

BẢNG ĐIỂM THI CHUYÊN NGÀNH

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Vị trí ĐKDT	Ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
52	C150052	Lê Thị Ngọc	Nữ	15/04/1994	Hải Dương	GV Toán		Trường THCS Đại Đức	90.00		90.00
53	C150053	Vũ Thị Quý	Nữ	21/08/1993	Hải Dương	GV Toán		Trường THCS Thượng Vũ	71.00		71.00
54	C150054	Trần Hoài Thu	Nữ	04/09/1998	Hải Dương	GV Toán		Trường THCS Kim Xuyên	95.00		95.00
55	C150055	Lê Thị Thư	Nữ	22/01/1991	Hải Dương	GV Toán		Trường THCS Phú Thái	86.00		86.00
56	C150056	Tạ Thị Xuân	Nữ	01/06/1993	Hải Dương	GV Toán		Trường THCS Phú Thái	X		0.00
57	C150057	Phạm Thị Yến	Nữ	29/07/1995	Hải Dương	GV Toán		Trường THCS Thượng Vũ	91.00		91.00
58	C160058	Nguyễn Thị Dung	Nữ	19/02/1991	Hải Dương	GV Vật lý		Trường THCS Tam Kỳ	89.80		89.80
59	C160059	Phạm Thị Thu Giang	Nữ	27/10/1984	Hải Dương	GV Vật lý		Trường THCS Lai Vu	94.50		94.50
60	C160060	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	22/03/1991	Hải Dương	GV Vật lý		Trường THCS Kim Xuyên	86.00		86.00
61	C160061	Nguyễn Minh Hiếu	Nam	18/10/1999	Hải Dương	GV Vật lý		Trường THCS Kim Xuyên	21.80		21.80
62	C160062	Đồng Phương Huyền	Nữ	03/07/1993	Hải Dương	GV Vật lý		Trường THCS Kim Tân	92.80		92.80
63	C160063	Nguyễn Thị Yến	Nữ	07/10/1990	Hải Dương	GV Vật lý		Trường THCS Kim Tân	42.50		42.50
64	C180064	Hoàng Thị Thanh Tuyền	Nữ	12/01/1987	Hải Dương	GV Sinh học		Trường THCS Tuấn Việt	89.00		89.00
65	C190065	Nguyễn Thị ánh	Nữ	03/10/1988	Hải Dương	GV Công nghệ		Trường THCS Phú Thái	90.50		90.50
66	C200066	Trịnh Thị Ngọc Anh	Nữ	04/12/1990	Hải Dương	GV GDCD		Trường THCS Kim Xuyên	50.80		50.80
67	C200067	Nguyễn Thị Gấm	Nữ	05/01/1996	Hải Dương	GV GDCD		Trường THCS Kim Xuyên	X		0.00
68	C200068	Vũ Thị Hà	Nữ	26/09/1989	Hải Dương	GV GDCD		Trường THCS Kim Xuyên	X		0.00

Ngày 11 tháng 10 năm 2021
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG

Phạm Viết Tuấn

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GD&ĐT
HUYỆN KIM THÀNH

BẢNG ĐIỂM THI CHUYÊN NGÀNH

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Vị trí ĐKDT	Ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
69	C200069	Nguyễn Thị Hương	Nữ	24/11/1994	Hà Nội	GV GDCD		Trường THCS Kim Xuyên	X		0.00
70	C200070	Giáp Thị Loan	Nữ	18/05/1986	Hải Dương	GV GDCD		Trường THCS Kim Xuyên	82.00		82.00
71	C200071	Ngô Thị Tím	Nữ	05/11/1990	Hải Dương	GV GDCD		Trường THCS Kim Đính	82.50		82.50
72	C230072	Bùi Thị Thảo Anh	Nữ	22/02/1988	Hải Dương	NV Kế toán		Trường THCS Lai Vu	19.50		19.50
73	C230073	Đỗ Thị Tân Bình	Nữ	15/01/1991	Hải Dương	NV Kế toán		Trường THCS Thượng Vũ	82.50		82.50
74	C230074	Nguyễn Thị Chính	Nữ	03/01/1983	Hải Dương	NV Kế toán	B	Trường THCS Phúc Thành	51.00	5.0	56.00
75	C230075	Trịnh Ngọc Dung	Nữ	23/07/1992	Hải Dương	NV Kế toán		Trường THCS Thượng Vũ	87.50		87.50
76	C230076	Đinh Thị Hậu	Nữ	27/01/1990	Hải Dương	NV Kế toán		Trường THCS Lai Vu	85.00		85.00
77	C230077	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	25/12/1978	Hải Dương	NV Kế toán		Trường THCS Liên Hòa	X		0.00
78	C230078	Trần Thị Hồng	Nữ	10/06/1988	Hải Dương	NV Kế toán		Trường THCS Lai Vu	17.80		17.80
79	C230079	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	08/11/1991	Hải Dương	NV Kế toán		Trường THCS Thượng Vũ	20.80		20.80
80	C230080	Đặng Thị Ngát	Nữ	12/09/1985	Hải Dương	NV Kế toán		Trường THCS Lai Vu	40.80		40.80
81	C230081	Bùi Thị Nụ	Nữ	18/10/1990	Hải Dương	NV Kế toán		Trường THCS Liên Hòa	48.50		48.50
82	C230082	Bùi Thị Phượng	Nữ	01/11/1981	Hải Dương	NV Kế toán		Trường THCS Thượng Vũ	32.50		32.50
83	C230083	Dương Thị Kim Quy	Nữ	17/10/1979	Hải Dương	NV Kế toán		Trường THCS Lai Vu	92.00		92.00
84	C230084	Đoàn Thị Hoàng Quyên	Nữ	26/10/1983	Hải Dương	NV Kế toán	A	Trường THCS Liên Hòa	52.00	7.5	59.50
85	C230085	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	22/04/1987	Hải Dương	NV Kế toán		Trường THCS Đại Đức	51.00		51.00

Ngày 12 tháng 10 năm 2021
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG

Phạm Việt Tuấn

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GD&ĐT
HUYỆN KIM THÀNH

BẢNG ĐIỂM THI CHUYÊN NGÀNH

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Vị trí ĐKDT	Ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
86	E250086	Lê Thị Hoa Ban	Nữ	28/01/1998	Hải Dương	NV Kế toán	A	TT GDNN-GDTX huyện	78.50	7.5	86.00
87	E250087	Nguyễn Thị Hương	Nữ	05/04/1989	Hải Dương	NV Kế toán		TT GDNN-GDTX huyện	52.25		52.25

Ngày 21 tháng 10 năm 2021
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG

Phạm Việt Tuấn